

Số: 169 /TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021

V/v công bố thông tin Thông báo mời họp
và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông
năm 2021.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Mã chứng khoán: PDT

Địa chỉ trụ sở: số 140 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: (0277) 3851056 Fax: (0277) 3851056

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Dũng

Loại thông tin công bố: Công bố thông tin 24h.

2. Nội dung thông tin công bố:

Thông báo mời họp số 004/TB-HĐQT-TMDK ngày 08/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (được đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.petimex.com.vn tại chuyên mục Quan hệ cổ đông/ Đại hội cổ đông.

Tôi cam đoan các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *zcc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu kèm theo:

1. Thông báo số 004/TB-HĐQT-TMDK
2. Chương trình Đại hội cổ đông năm 2021
3. Quy chế làm việc Đại hội cổ đông năm 2021
4. Báo cáo HD của HĐQT năm 2020 và KH năm 2021
5. Báo cáo KQ HĐKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021
6. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và PH năm 2021
7. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
8. Tờ trình KHPP lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021
9. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
10. Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty
11. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
12. Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
13. Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty
14. Dự thảo Nghị Quyết và Biên bản ĐHĐCĐ 2021
15. Phiếu biểu quyết

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Văn Dũng

THÔNG BÁO

Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.
(*Công ty có gửi Giấy mời cho Quý cổ đông*)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Căn cứ Nghị Quyết số 003/NQ-HĐQT-TMDK ngày 05/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp trân trọng thông báo đến toàn thể Quý cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian: 8h00, thứ năm, ngày 29 tháng 04 năm 2021.

2. Địa điểm: Hội trường A2, Khu du lịch Mỹ Trà - số 272, Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3. Nội dung Đại hội:

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình Đại hội và tài liệu Đại hội sẽ được đăng tải trên website Công ty: <http://www.petimex.com.vn> tại chuyên mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin.

4. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

Các cổ đông đến dự Đại hội phải đăng ký với Ban tổ chức bằng văn bản theo mẫu quy định. Trường hợp cổ đông không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc ủy quyền này phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu quy định của Công ty và chỉ được ủy quyền một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội cổ đông, Quý cổ đông xin vui lòng xác nhận bằng Đơn đăng ký tham dự (được đính kèm) và Giấy ủy quyền nếu có ủy quyền (được đính kèm) và gửi về trước ngày 24/04/2021 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - số 140 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người liên hệ: Mai Ngọc Mẫn

Điện thoại: 0329096090

Email: ngocman@petimex.com.vn

Fax: 02773851056

Sự tham dự đầy đủ của Quý cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội. *TC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Sĩ

Ghi chú:

- Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông xin vui lòng mang theo CMND/hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) để đăng ký tư cách cổ đông tham dự.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP.**

Dự thảo

Thời gian: Bắt đầu từ 8h00, ngày 29 tháng 04 năm 2021.

Địa điểm: Hội trường A2, Khu du lịch Mỹ Trà-Lê Duẩn, P. Mỹ Phú, TP Cao Lãnh Đồng Tháp.

TT	Nội dung chương trình	Người thực hiện
I. Thủ tục khai mạc		
1	Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (nhận tài liệu, thẻ biểu quyết).	Ban tổ chức
2	Đại hội ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội, tuyên bố lý do, giới thiệu khách dự.	Ban tổ chức
3	Báo cáo kết quả kiểm tra số lượng cổ đông hiện diện.	Ban tổ chức
4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua : - Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; - Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Tổ kiểm phiếu.	Ban tổ chức
II. Nội dung đại hội:		
5	Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	Đoàn chủ tịch
6	Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành Công ty 2020, kế hoạch năm 2021.	Đoàn chủ tịch
7	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021.	Đoàn chủ tịch
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	Trưởng ban kiểm soát
9	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.	Kế toán trưởng
10	Thông qua các Tờ trình về một số nội dung tại Đại hội: - Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021; - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021; - Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; - Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Đoàn chủ tịch
11	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến	Phát biểu cổ đông

12	Nghỉ giải lao	
13	Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của cổ đông	Đoàn chủ tịch
14	Thông qua hình thức biểu quyết và cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại Hội.	Đoàn chủ tịch
III. Tổng kết bế mạc		
15	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Đoàn chủ tịch
16	Phát biểu bế mạc phiên họp	Đoàn chủ tịch



GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021
của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Kính gửi: Ban Tổ chức ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Tên cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Giấy CMND/ĐKKD số: do cấp ngày:

Mã số cổ đông: hiện đang sở hữu: cổ phần

(Bảng chữ:))

Xác nhận sẽ tham dự

Vắng mặt

Có ủy quyền

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp ngày 29/04/2021.

....., ngày..... tháng 04 năm 2021

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Rất mong Quý cổ đông đăng ký xác nhận trước ngày 24/04/2021, để Ban Tổ chức chuẩn bị đại hội chu đáo, đảm bảo nghĩa vụ và quyền lợi của Cổ đông theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Người ủy quyền:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

CMND/ĐKKD số: cấp ngày tại

Tổng số cổ phần sở hữu:

(*Bằng chữ:*)

Là Cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Bằng văn bản này tôi/chúng tôi đồng ý ủy quyền cho:

Ông/Bà:

Địa chỉ:

CMND số: cấp ngày tại

Số điện thoại: Email: ..

Thay mặt tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tổ chức vào ngày 29/04/2021, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

Ông (bà) có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung, quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp năm 2021.

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng 04 năm 2021

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU BIỂU QUYẾT
(Kèm các tờ trình của Hội đồng Quản trị)

TÊN CỔ ĐÔNG:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG ĐẠI DIỆN:

Sau khi nghiên cứu các Báo cáo và các Tờ trình ngày .../04/2021 của Hội đồng Quản trị, tôi có ý kiến biểu quyết các vấn đề liên quan như sau:

Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 3: Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2020 và PH năm 2021.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 4: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 5: Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 6: Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 7: Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 8: Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 9: Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Nội dung 10: Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Đồng Tháp, ngày.....tháng.....năm 2021

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 020 /TTr-HDQT-TMDK

TP. Cao Lãnh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

A. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;

Thông qua chương trình Đại hội, bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách đại biểu và Ban kiểm phiếu;

- 1/ Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- 2/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- 3/ Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng năm 2021;
- 4/ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
- 5/ Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021;
- 6/ Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021;
- 7/ Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- 8/ Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- 9/ Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- 10/ Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

B. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

Đại hội Cổ đông được tiến hành dưới sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch là đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng pháp luật và phù hợp với điều lệ của Công ty.

I. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Nguyên tắc.

Các vấn đề được thông qua tại Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết, trong đó có ghi Mã số biểu quyết và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết

- Sau khi thông qua các báo cáo và các Tờ trình Đoàn chủ tịch sẽ tiến hành lấy ý kiến biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến về một vấn đề được biểu quyết thông qua tại Đại hội, bằng cách đánh chéo vào ô đồng ý, không đồng ý hay ý kiến khác tương ứng trong thẻ biểu quyết.



- Kết quả biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu kiểm đếm, tính toán, báo cáo Đoàn Chủ tịch và công bố trước Đại hội.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề: Thông qua Báo cáo tài chính năm; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng Giám đốc và các nghị quyết khác sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

II. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Các cổ đông, người được ủy quyền tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải:

1. Được sự chấp thuận của Đoàn chủ tịch.
2. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội.

III. Đoàn chủ tọa

- Danh sách Đoàn Chủ tịch được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
- Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch:

1. Điều khiển Đại hội theo chương trình và quy chế đã được Đại hội thông qua, Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian tiến hành Đại hội.

IV. Thư ký

- Danh sách Ban thư ký được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
- Trách nhiệm của Ban thư ký:

1. Ghi chép đầy đủ những ý kiến phát biểu, thảo luận tại Đại hội và tổng hợp các kết luận của Đoàn Chủ tịch.
2. Lập và trình Đại hội thông qua Biên bản đại hội.
3. Soạn thảo Nghị quyết và thông qua tại Đại hội.

V. Ban kiểm phiếu biểu quyết

- Danh sách Ban kiểm phiếu được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
- Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu biểu quyết:

1. Ghi nhận kết quả phiếu biểu quyết của các Cổ đông và người được ủy quyền đối với các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
2. Tổng hợp và báo cáo Đoàn Chủ tịch kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. *zm*

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu: VT.



Trần Quang Sĩ

Số: 026/TT-HDQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại
Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp kính trình Đại hội đồng Cổ đông Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính (đính kèm dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty hoàn chỉnh và ban hành Quy chế này theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào. *mc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HDQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Sĩ

Số: 02 /TTr-BKS-TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021



TỜ TRÌNH

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính. (đính kèm dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để Trưởng Ban kiểm soát ban hành ký đúng theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HDQT, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Lạc

TỜ TRÌNH

Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại
Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Nay, Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	8.906.005	
2	Tổng chi phí	8.804.887	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	101.118	
4	Chuyển lỗ của năm 2020	(106.471)	
5	Thuế TNDN	0	Bù đắp lỗ 2020
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0	//
7	Phân phối quỹ Đầu tư - Phát triển	0	//
8	Phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi	0	//
9	Quỹ lương CBCNV	28.971,6	
10	Quỹ lương của ban điều hành	6.048	
11	Phân phối quỹ thưởng ban điều hành hoàn thành kế hoạch	0	Bù đắp lỗ 2020
12	Dự kiến số tiền chi cổ tức	0	//

Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 nêu trên.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Sĩ

Số: 023 /TTr-HĐQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại
Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong bốn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
3. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
4. Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 cho các Công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Sĩ

Số: 024/TT-HDQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại
Dầu khí Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Thực hiện theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 15/02/2021 cùng với quá trình rà soát, xem xét, Hội đồng quản trị Công ty Petimex xét thấy một số quy định tại Điều lệ Công ty không còn phù hợp với tiến trình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Điều lệ Công ty (Điều lệ sửa đổi bổ sung kèm theo), ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty hoàn chỉnh và ban hành Điều lệ này theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Sĩ

Số: 025/TT-HĐQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại
Dầu khí Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính. (đính kèm dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện hoàn chỉnh và ban hành Quy chế theo quy định.

Trân trọng kính chào! *TC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Sĩ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 như sau:

I- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán, đã được Ban kiểm soát PETIMEX thẩm tra và được công bố thông tin theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2020 kiểm toán của PETIMEX đã được gửi kèm theo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và được công bố công khai trên website của PETIMEX (www.petimex.com.vn).

II- Ý kiến của kiểm toán độc lập: AFC không đưa ý kiến ngoại trừ, ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ý kiến trên BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất.

III- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU RIÊNG LẺ	SỐ LIỆU HỢP NHẤT
A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I. Tổng cộng tài sản	4.629.479.036.476	5.756.807.542.838
1. Tài sản ngắn hạn	3.031.941.749.553	3.716.040.561.464
2. Tài sản dài hạn	1.597.537.286.923	2.040.766.981.374
II. Tổng cộng nguồn vốn	4.629.479.036.476	5.756.807.542.838
1. Nợ phải trả	3.820.796.700.397	4.718.274.531.584
2. Vốn chủ sở hữu	808.682.336.079	1.038.533.011.254
B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Tổng doanh thu thuần và thu nhập tài chính	7.942.884.937.147	9.914.642.729.073
Trong đó: doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	7.741.618.325.600	9.686.493.081.712
2. Tổng chi phí SXKD và tài chính	7.860.442.630.239	9.809.611.845.949
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(118.824.304.639)	(123.118.764.237)
4. Lợi nhuận khác	12.352.837.441	20.988.935.737
5. Lợi nhuận trước thuế TNDN	(106.471.467.198)	(102.129.828.500)
6. Chi phí thuế TNDN		5.519.817.749
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(107.649.646.249)

Trên đây là một số nội dung cơ bản của báo cáo tài chính kiểm toán PETIMEX năm 2020.

Trân trọng kính trình.



Số: 03/BC-BKS

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 011/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ quyết định số 025/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội các nội dung như sau:

1. Kết quả kinh doanh của Công ty so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kết quả kinh doanh năm 2020:

+ Sản lượng bán ra xăng dầu các loại 977.027.489 lit, nghị quyết 988.500.000 lit đạt 98,83% so với nghị quyết đại hội đề ra.

+ Dầu nhờn: 106.471 lit, nghị quyết 160.000 lit đạt 66,54 % so với nghị quyết đại hội đề ra.

+ Doanh thu thực hiện 7.956 tỷ đồng, nghị quyết là 10.500 tỷ đồng đạt 75,77% so với nghị quyết đại hội đề ra.

+ Lợi nhuận trước thuế thực hiện: lỗ 106 tỷ đồng, nghị quyết đại hội là 62,5 tỷ đồng, không đạt so với nghị quyết đề ra,

Chỉ tiêu tài chính tổng quát của Công ty đạt được đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1- Tài sản ngắn hạn	3.031.941.749.553	4.351.812.369.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	431.263.683.107	419.998.535.831
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.282.000.000.000	2.546.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	541.412.933.283	697.870.650.385
Hàng tồn kho	762.612.101.956	687.440.923.865
Tài sản ngắn hạn khác	14.653.031.207	502.259.218

2- Tài sản dài hạn	1.597.537.286.923	1.571.486.403.417
Các khoản phải thu dài hạn		
Tài sản cố định	1.225.241.517.815	1.179.200.200.764
Tài sản dở dang dài hạn	72.840.104.700	84.363.822.693
Đầu tư tài chính dài hạn	279.730.997.899	282.102.661.335
Tài sản dài hạn khác	19.724.666.509	25.819.718.625
Tổng tài sản	4.629.479.036.476	5.923.298.772.716
3- Nợ phải trả	3.820.796.700.397	4.934.672.625.584
Nợ ngắn hạn	3.593.945.444.408	4.700.248.707.054
Nợ dài hạn	226.851.255.989	234.423.918.530
4 - Vốn chủ sở hữu	808.682.336.079	988.626.147.132
CP phổ thông có quyền biểu quyết	873.239.800.000	873.239.800.000
Quỹ đầu tư phát triển	60.079.871.219	44.681.605.883
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-124.637.335.140	70.704.741.249
Tổng nguồn vốn	4.629.479.036.476	5.923.298.772.716

Chi tiết kết quả lãi (lỗ) năm 2020.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Kế hoạch năm	TH/KH (%)
Tổng doanh thu	7.955.582.985.982	10.500.000.000.000	75,77
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.740.670.034.691		
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.740.618.325.600		
3. Giá vốn hàng bán	7.716.662.639.650		
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.955.685.950		
5. Doanh thu hoạt động tài chính	202.266.611.547		
6. Chi phí tài chính	158.282.802.230		
Trong đó: Chi phí lãi vay	115.509.347.067		
7. Chi phí bán hàng	150.749.979.983		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.013.819.923		
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-118.824.304.639		
10. Thu nhập khác	12.698.048.835		
11. Chi phí khác	345.211.394		
12. Lợi nhuận khác	12.352.837.441		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-106.471.467.198	62.500.000.000	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		50.000.000.000	

Đánh giá tình hình tài chính năm 2020.

Chỉ tiêu	Phương pháp tính	Giá trị	DVT
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	TS lưu động/ Nợ ngắn hạn	0,84	Lần
Hệ số thanh toán nhanh	(Vốn bằng tiền + các khoản phải thu)/Nợ ngắn hạn	0,27	Lần
Hệ số thanh toán tức thời	Vốn bằng tiền/Nợ đến hạn	0,12	Lần
Cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính			
Hệ số tự tài trợ	VCSH/Tổng NV	0,17	Lần
Hệ số nợ	Tổng nợ phải trả/TTS	0,83	Lần
Chỉ tiêu về khả năng hoạt động			
Hệ số vòng quay TTS	DTT/TTS	1,67	vòng
Vòng quay vốn lưu động	DTT thuần/Tài sản ngắn hạn	2,25	vòng
Chu kỳ HTK	(HTK bình quân/Giá vốn hàng bán)x365	36,5	ngày
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	10,1	vòng
Thời gian thu hồi công nợ khách hàng	(Giá trị các khoản phải thu thương mại BQ/DTT)x365	26	ngày
Vòng quay các khoản phải thu	DTT thuần/Tổng các khoản phải thu	14	vòng
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	LN gộp từ bán hàng/DTT		%
Hệ số lãi ròng	LN thuần từ HĐKD/DTT		%
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	LNST/TTS bình quân		%
Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)	LNST/VCSH bình quân		%
EBIT/Chi phí lãi vay	(LN trước thuế + Chi phí lãi vay)/lãi vay	0,08	Lần
Đánh giá cổ phiếu			
Thu nhập cơ bản trên một cổ phần (EPS)	(LNST - Cổ tức ưu đãi)/Tổng số cổ phiếu thường đang lưu hành		VND
Tỷ lệ giá trị thị trường trên giá trị sổ sách (M/B)	Giá thị trường của 1 CP/ số sách của 1 CP thường	1	Lần

2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

Trên cơ sở luật pháp, điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết được đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.

Thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc các cuộc họp có tính chất chuyên đề của Hội đồng quản trị, được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động kinh doanh, được đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị về tình hình chấp hành quy định của Công ty và thực thi pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Ban

Điều hành, tham dự các cuộc họp các cuộc họp có tính định kỳ của Người điều hành trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm; được tạo điều kiện làm việc trực tiếp với các bộ phận nghiệp vụ trong công tác xử lý và lập báo cáo tài chính theo quy định.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

Chi tiết lương thành viên ban kiểm soát chuyên trách và thù lao thành viên ban kiểm soát không chuyên trách được chi trong trong năm 2020 là:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Nội dung	Số Tiền
1	Nguyễn Minh Lộc	Trưởng BKS	Lương thành viên ban kiểm soát chuyên trách	463.888.620
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TV BKS	Thù lao ban kiểm soát không chuyên trách	36,000,000
3	Lê Nguyễn Minh Phương	TV BKS	Thù lao ban kiểm soát không chuyên trách	36,000,000
Tổng cộng				<u>535.888.620</u>

4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch kiểm soát năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, Ban Kiểm soát đã thực hiện công việc kiểm soát trong năm 2020 đạt được các kết quả cụ thể như sau:

Tổ chức 01 cuộc họp thông qua báo cáo kiểm soát năm 2020 trình đại hội đồng cổ đông. Đồng thời phân công nhiệm vụ trong công tác năm 2020.

Tổ chức 01 cuộc họp thông qua báo cáo kiểm soát bán niên năm 2020 (báo cáo kiểm soát đến 30/06/2020).

Tổ chức 02 cuộc họp thông qua báo cáo kiểm soát quý 01 năm 2020 và quý 02 năm 2020.

Ngoài các cuộc họp riêng, Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Minh Lộc	04	100%	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	04	100%	100%	Không có
3	Bà Lê Nguyễn Minh Phương	04	100%	100%	Không có

5. Giao dịch giữa Petimex do người quản lý của Petimex đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại các công ty có cổ phần của Petimex.

Người quản lý là Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư và Phó phòng Tài chính Kế toán là Chủ tịch hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị Công ty CP NL Tây Đô

(Petimex nắm giữ 64.01% vốn cổ phần). Petimex đã bán cho Công ty CP NL Tây Đô số lượng 31.470.000 lit xăng dầu các loại, giá trị thanh toán 291.474.900.000 đồng.

Người quản lý là Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư và Phó phòng Tài chính Kế toán là Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp (Petimex nắm giữ 51,16% vốn cổ phần). Petimex đã bán cho Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp số lượng 184.673.584 lit xăng dầu các loại, giá trị thanh toán 1.708.379.976.940 đồng, Petimex cho thuê tài sản giá trị thanh toán là 144.000.000 đồng.

Người quản lý là Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư và Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh là Chủ tịch hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị Công ty CP TM Dầu khí Cửu Long (Petimex nắm giữ 49% vốn cổ phần). Petimex đã bán cho Công ty CP TM Dầu khí Cửu Long số lượng 161.257.170 lit xăng dầu các loại, giá trị thanh toán 2.017.466.925.500 đồng, Petimex cho thuê tài sản giá trị thanh toán là 180.000.000 đồng.

Người quản lý là Trưởng phòng Kinh doanh và trưởng phòng Tổ chức - HCQT là Chủ tịch hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải xăng dầu Đồng Tháp (Petimex nắm giữ 51% vốn cổ phần). Petimex thuê vận chuyển xăng dầu với Công ty CP Vận tải xăng dầu Đồng Tháp, giá trị thanh toán cước vận chuyển là 26.383.386.293 đồng, Petimex đã thu cổ tức là 2.888.726.400 đồng.

Người quản lý là Phó phòng Tổ chức -HCQT và phó phòng Kế hoạch Đầu tư là chủ tịch hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà (Petimex nắm giữ 84,21% vốn cổ phần). Petimex đã cho thuê tài sản với Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà giá trị thanh toán là 1.350.000.000 đồng; đồng thời Petimex đã mua dịch vụ với Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà giá trị thanh toán là 270.578.500 đồng.

Người quản lý là giám đốc Chi nhánh TP Hồ chí Minh là thành viên hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành (Petimex nắm giữ 17% vốn cổ phần). Petimex đã bán cho Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành với số lượng 57.568.000 lit xăng dầu các loại, trị giá thanh toán 749.916.894.000 đồng; đồng thời thu cổ tức là 345.006.000 đồng.

Người quản lý là giám đốc Kho cảng xăng dầu Phước Khánh là thành viên hội đồng quản trị tại Công ty CP hóa dầu Phước Khánh (Petimex nắm giữ 49% vốn cổ phần). Petimex đã cho thuê mặt bằng sử dụng đất với Công ty CP Hóa dầu Phước Khánh giá trị thanh toán là 1.820.792.645 đồng; đồng thời Petimex thuê bồn chứa xăng dầu với Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh giá trị thanh toán 5.250.000.000 đồng.

Người quản lý là Phó phòng Tổ chức Hành chính Quản trị là thành viên hội đồng quản trị tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Mekong (Petimex nắm giữ 18,49% vốn cổ phần). Petimex thuê vận chuyển xăng dầu với Công ty CP Vận tải Dầu khí Mekong giá trị thanh toán là 5.069.345.840 đồng.

Người quản lý là Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư là thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải đường sông Đồng Tháp (Petimex nắm giữ 14,11% vốn cổ phần), cổ tức đã thu là 72.000.000 đồng.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp đã thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành Công ty nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2020. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và

người điều hành doanh nghiệp đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc các cuộc họp có tính chuyên đề phát sinh, các vấn đề trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có sự tham gia của bộ phận chuyên môn đúng theo quy định. Chủ động đánh giá thị trường, kết hợp tình hình thực tế doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết và quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho Ban điều hành.

7. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách cụ thể và đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhất để đạt hiệu quả cao. Các hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng Pháp luật; quá trình triển khai Nghị quyết, quyết định theo đúng trình tự và tuân thủ chặt chẽ đúng quy định pháp luật, điều lệ, quy chế đã được ban hành.

Trên cơ sở biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành theo đúng nội dung đã được hội đồng quản trị giao. Trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh khi xét thấy các nội dung quy định, quy chế không phù hợp, Ban tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp đề xuất Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung nhằm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong từng điều kiện cụ thể.

Hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp được công khai cho Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát công khai báo cáo đánh giá công tác điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp nhằm đảm bảo thực hiện đúng nghị quyết đã được ban hành và quyền lợi lợi ích hợp pháp của cổ đông.

7. Nhận xét, kiến nghị của kiểm soát.

Việc ảnh hưởng của dịch covid-19 trên thế giới còn tiếp tục kéo dài, từ đầu năm 2021 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp đã đưa ra nhiều nhiệm vụ biện pháp quyết liệt trong năm 2021 nhằm bù đắp lỗ của năm 2020, bảo toàn vốn Cổ đông và tiến tới chỉ trả có cổ tức cho Cổ đông. Biện pháp ban kiểm soát kiến nghị thực hiện rà soát thanh lý những tài sản không sử dụng, hoặc tài sản sử dụng kém hiệu quả; Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua các biện pháp giảm công nợ phải thu; Nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng nợ phải trả nhằm giảm chi phí tăng lợi nhuận tăng đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với thuế hàng nhập khẩu do cơ quan Hải quan quyết định truy thu cho các tờ khai nhập khẩu xăng dầu trong giai đoạn 2016 và 2017 với tổng số tiền là 91.317.392.649 đồng (trong đó thuế nhập khẩu là 73.451.792.062 đồng, lãi chậm nộp 17.865.600.587 đồng). Trước đây đã được cơ quan hải quan kiểm tra đã quyết định hoàn thuế, Việc thu hồi tiền hoàn thuế nhập khẩu ưu đãi mặt hàng dầu DO và tiền chậm nộp do cơ quan chức năng thay đổi chính sách, Công ty đã khiếu kiện cơ quan có thẩm quyền xử lý đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Công ty.

8. Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2021.

Trên cơ sở của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 được ban hành, tiếp tục thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ đã được quy định tại luật doanh nghiệp; Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Tổ chức công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Tổng giám

đồng Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và thực hiện nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, các quy chế hoạt động kinh doanh, nghị quyết, quyết định đã được ban hành.

Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo tài chính niên độ 2020 theo đúng quy định pháp luật.

Tham dự các cuộc họp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo hoạt động giám sát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty CP TM Dầu khí Đồng Tháp, kính trình Đại hội.

Xin trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Trình ĐH Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Lộc

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021

A-KẾT QUẢ KINH DOANH 2020

I-Thuận lợi, khó khăn:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp (chủ sở hữu) xem xét giải quyết, tạo điều kiện tốt cho nhu cầu phát triển kinh doanh của đơn vị.
- Cơ sở vật chất của Công ty được tiếp tục đầu tư đổi mới, từng bước hoàn thiện để phục vụ cho hoạt động kinh doanh như: đầu tư thêm kho trung chuyển Long Bình Tân; nâng cấp sửa chữa kịp thời một số hạng mục công trình kho và các cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Công ty tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống phân phối thông qua các công ty con, các tổng đại lý và đại lý đã ổn định thị phần tiêu thụ xăng dầu, hệ thống bán lẻ xăng dầu tiếp tục phát triển bền vững.

2. Khó khăn:

- Trong năm 2020, nhiều đầu mối xăng dầu mới được Bộ Công thương cấp phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp xăng dầu nâng tổng số đầu mối nhập khẩu xăng dầu trên 40 đầu mối, một số đầu mối tư nhân đã đưa ra nhiều hình thức cạnh tranh, nhằm lôi kéo thu hút khách hàng; Đặc biệt họ còn cung cấp xăng dầu không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng đã tạo thêm áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Vụ xăng dầu giả do Công an Đồng Nai vừa phá án, làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả của Doanh nghiệp.
- Trong năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt giá dầu giảm sâu kéo dài chưa từng có trong lịch sử ngành dầu khí Thế giới. Những yếu tố này đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành dầu khí Việt Nam, trong đó có Petimex.
- Thị trường tái xuất sang Campuchia có thêm nhiều đối thủ mới với tiềm lực, do đó tạo thế cạnh tranh cho Petimex rất nhiều.

II- Kết quả đạt được:

* Chỉ tiêu về sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH
1	Sản lượng xăng, dầu các loại	m ³	988.500	976.921	98,83%
a	Nội địa	m ³	688.500	633.487	92,01%
b	Tái xuất	m ³	300.000	343.434	114,48%
2	Dầu nhờn	lít	160.000	106.471	66,54%

1. Thị trường, sản lượng:

1.1. Thị trường trong nước: Thị trường Miền Đông cạnh tranh khá gay gắt, một số

tổng đại lý lớn bị các đối thủ mua cổ phần thâu tóm nên sản lượng tiêu thụ của Petimex giảm. Tổng sản lượng bán ra 976.921 m³, đạt 98,83% kế hoạch.

1.2. Thị trường tái xuất sang Campuchia: tổng sản lượng 343.434 m³, đạt 114% kế hoạch.

2. Đầu tư:

2.1. Đầu tư xây dựng:

Trong năm, tập trung vào các dự án phục vụ cho kinh doanh xăng dầu. Tổng số tiền thanh toán trong năm 2020: 68.194 triệu đồng. Trong đó một số công trình chính:

- Chi nâng cấp, sửa chữa Kho Phước Khánh và Kho Trần Quốc Toàn là 34.298 triệu đồng:

+ *Kho Phước Khánh*: Hoàn thiện hồ sơ thủ tục nâng cấp cảng cho Tàu 49.000 DWT giảm tải cập bến; hoàn thiện thiết kế và thẩm tra hạng mục nâng cấp PCCC; Hoàn thành 100% hạng mục nâng cấp Bồn T5; Phòng thí nghiệm xăng dầu: hoàn thành gói xây dựng, và lắp đặt thiết bị.

+ *Kho Trần Quốc Toàn*: Mời thầu hạng mục lắp đặt thiết bị đo bồn tự động; Đã hoàn tất hồ sơ thiết kế hạng mục nâng công suất bơm tàu sông.

- *Kho Long Bình Tân*, chi 15.592 triệu đồng: Hoàn thành gói thầu xây dựng kho, tiếp tục hoàn thiện một số hạng mục phát sinh; Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý bến thủy nội địa.

- *Kho cảng xăng dầu Hậu Giang*, chi 11.067 triệu đồng: Nghiệm thu hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng; Thi công hoàn thành hạng mục Đường vào dự án giai đoạn 1; Mời thầu thi công hạng mục Bến cảng biển chuyên dùng; Hoàn thành thiết kế cơ sở hạng mục kho.

- *Một số công trình khác*: 971 triệu đồng. Trong đó Khách sạn Hòa Bình hoàn thành thiết kế - dự toán thi công nâng cấp - mở rộng nhà hàng 600 khách.

2.2. Đầu tư tài chính:

2.1 *Thu cổ tức*: đơn đốc thu đúng theo thông báo các công ty thành viên năm 2020 đạt 7,9 tỷ đồng.

2.2 *Cho thuê tài sản*: đơn đốc thu theo hợp đồng đã ký năm 2020 đạt 6,47 tỷ đồng.

3. Kết quả kinh doanh, tình hình tài chính:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất tổng doanh thu 10.546.797 triệu đồng, tổng chi phí kinh doanh là 10.648.962 triệu đồng, lỗ 102.129 triệu đồng. Trong đó tổng doanh thu Công ty mẹ là 7.955.634 triệu đồng đạt 75,77 % so doanh thu kế hoạch, Công ty mẹ lỗ 106.471 triệu đồng.

Số tiền thuế nộp Ngân sách nhà nước năm 2020 là 1.447 tỷ đồng.

Nhìn chung, trong năm 2020, nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh của đơn vị chủ yếu là vốn vay, vốn hình thành từ cổ phần hóa chủ yếu là tài sản cố định, tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của đơn vị làm cho kết quả không đạt được chỉ tiêu đã đề ra. Thị trường phát sinh nhiều vụ gian lận thương mại, buôn lậu làm cho thị trường kinh doanh không lành mạnh.

4. Các công ty con, công ty liên kết:

**Petimex nắm từ 51% vốn điều lệ trở lên:*

+ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp-DFC:

Vốn điều lệ 106.111 triệu đồng, Petimex nắm 51,16%.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn...

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: 1.803.171.819.084 đồng

đạt 67% kế hoạch năm, giảm 30 % so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 2.030.027.958 đồng, đạt 51% kế hoạch năm, giảm 71,24% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong năm của Công ty là 0,62lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 63,74% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 2,14 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 1,58%.

+ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô-TFC:

Vốn điều lệ 35.854 triệu đồng, Petimex nắm 64,01%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính là bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: 737.260.318.755 đồng đạt 82% kế hoạch năm, giảm 57% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế lỗ (3.818.005.969) đồng.

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 0,86 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 81,95% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 4,8 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức -10,01%.

+ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp-Dopetco:

Vốn điều lệ 47.199 triệu đồng, Petimex nắm 51%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính vận tải xăng dầu nội địa và vận chuyển hàng xuất khẩu sang Campuchia.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: 71.432.148.494 đồng đạt 99% kế hoạch năm, giảm 12% so với cùng kỳ 2019.

Lợi nhuận sau thuế đạt 8.053.401.169 đồng, đạt 106%% giảm 0,98% so với cùng kỳ 2019.

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 1,19 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 22,85% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,46 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 10,92%.

+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà-MSTC:

Vốn điều lệ 52.000 triệu đồng, Petimex nắm 84,21%.

Kinh doanh chính nhà hàng khách sạn, lữ hành.

Doanh thu năm 2020: 18.169.093.054 đồng đạt 91% kế hoạch năm, giảm 37% so với cùng kỳ 2019.

Lợi nhuận sau thuế đạt: lỗ (1.147.504.019) đồng.

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 2,46lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 5,07% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,05 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức -2,62%.

*** Công ty Petimex nắm từ 35% đến dưới 51% VDL:**

+ Công ty Cổ phần hóa dầu Phước Khánh- PhướcKhánhPetro:

Vốn điều lệ: 90.000 triệu đồng, Petimex nắm 49%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính là cho thuê kho ngoại quan xăng dầu, sản xuất dầu nhờn, kinh doanh hóa chất...

Doanh thu năm 2020: 4.772.727.274 đồng, đạt 38% kế hoạch năm giảm 19% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt lỗ (4.840.129.461) đồng.

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 0,69 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 12,68% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,13 lần

vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức -5,70%.

+ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long-PTC:

Vốn điều lệ 45.000 triệu đồng, Petimex nắm 49%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính là xăng dầu, dầu nhớt, kinh doanh trụ bơm...

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: 2.893.092.945.145 đồng đạt 96% kế hoạch năm, giảm 34% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 777.462.474 đồng, đạt 22% kế hoạch năm giảm 86% so với cùng kỳ 2019;

*** Petimex nắm trên 10% đến dưới 35% VDL:**

+ Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp :

Vốn điều lệ: 60.000 triệu đồng, Petimex nắm 34%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính khí hóa lỏng (LPG), chiết nạp LPG vào chai, Xuất nhập khẩu LPG, Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: 383.689.650.228 đồng đạt 93% kế hoạch năm, giảm 19.% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 2.309.910.350 đồng, đạt 156% kế hoạch năm và giảm 36% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 1,3 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 70% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 2,62 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 3,43%.

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sopet Gas One:

Vốn điều lệ: 53.995 triệu đồng, Petimex nắm 20%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Nhập khẩu, tồn trữ, đóng bình và tiêu thụ khí gas hóa lỏng (LPG) tại thị trường trong nước, lắp đặt bảo trì thiết bị sử dụng LPG.

Doanh thu năm 2020: 892.150.884.840 đồng, tăng 3,02% so với cùng kỳ năm 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 40.301.781.727 đồng, đạt 108% so với kế hoạch tăng 17,12% so với cùng kỳ năm 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 2,37 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 37,88% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 2,41 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 18,83%.

+ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Mê Kông :

Vốn điều lệ: 93.000 triệu đồng, Petimex nắm 18,49%.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chính vận tải biển xăng dầu quốc tế.

Doanh thu năm 2020: 85.811.276.081 đồng đạt 67% kế hoạch năm, giảm 15% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế: lỗ (37.560.314.813) đồng lỗ so với kế hoạch dẽ ra 131% , tăng 11%so với cùng kỳ 2019.

Công ty tiếp tục bị lỗ (37.560.314.813) đồng. Lỗ lũy kể đến 31/12/2020 đã là (167.399.225.237) đồng. Trong đó: lỗ do đánh giá lại tỷ giá số dư khoản vay dài hạn bằng Đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ số tiền (70.672.588.253) đồng; lỗ tỷ giá trong các trường hợp khác (15.083.962.166) đồng và lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (81.642.674.818) đồng.

Vốn chủ sở hữu âm (74.399.225.237 đồng tại ngày 31/12/2020 phần lớn tạo ra bởi lỗ do đánh giá tỷ giá vay gốc ngoại tệ, không ảnh hưởng đến lưu lượng tiền của Công ty.

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 0,11 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 77,87% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là -0,38 lần vốn góp chủ sở hữu.

+ Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành:

Vốn điều lệ: 9.927 triệu đồng Petimex năm 17,38%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu nhiên liệu, công nghệ thực phẩm, điện máy, dịch vụ thương mại và những ngành nghề đã được ghi trong giấy chứng nhận ĐKKD.

Doanh thu năm 2020: 748.245.002.811 đồng đạt 68% kế hoạch năm, giảm 22% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 5.128.401.346 đồng, đạt 108% kế hoạch năm và giảm 14,06% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong năm của Công ty là 2,53 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 36,67% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,71 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 20,97%.

Chi cổ tức năm 2020: 10%

+ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sông Đồng Tháp:

Vốn điều lệ: 8.502 triệu đồng, Petimex năm 14,11%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Đóng sửa chữa tàu sông, vận tải hàng hóa bằng đường sông.

Doanh thu năm 2020: 19.253.327.132 đồng đạt 111% kế hoạch năm, tăng 11% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 762.046.956 đồng, đạt 76% kế hoạch năm tăng 825% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 3,65 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 15% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,38 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 4,15%.

Chi cổ tức năm 2020: 8%

***Các khoản xem như đầu tư tài chính dài hạn:**

+ Công ty Cổ phần Du Lịch Đồng Tháp:

Vốn điều lệ góp thực tế : 65.748 triệu đồng, Petimex năm 3,02%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế... đầu tư kinh doanh biệt thự sinh thái.

Doanh thu năm 2020: 48.033.262.647 đồng đạt 69% kế hoạch năm, giảm 34% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 1.744.257.658 đồng, đạt 35% kế hoạch năm và giảm 52% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 1,34 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 32,07% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,49 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 2,07%.

+ Công ty Cổ phần Âu Lạc:

Vốn điều lệ góp thực tế: 564.706 triệu đồng, Petimex năm 0,75%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, dịch vụ hàng hải, kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan.

Doanh thu năm 2020: 485.968.343.484 đồng đạt 97% kế hoạch năm, tăng 3% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 41.509.746.041 đồng, đạt 259% kế hoạch năm và tăng 12% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 3,42lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 23% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,53 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 4,13%.

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn Thông Đồng Tháp.

Vốn điều lệ: 10.000 triệu đồng Petimex năm 12%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng chuyên dụng khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích; hoạt động kiến trúc và đầu tư kỹ thuật liên quan lắp đặt xây dựng khác gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại.

Doanh thu thuần 2020: 70.523.101.039 đồng đạt 129% kế hoạch năm, tăng 8% so với cùng kỳ 2019;

Lợi nhuận sau thuế đạt 4.339.787.957 đồng, đạt 271% kế hoạch năm và tăng 211% so với cùng kỳ 2019;

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm của Công ty là 1,23 lần, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 51,53% trên tổng nguồn vốn; tỷ trọng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 4,42 lần vốn góp chủ sở hữu. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt mức 10,42%.

Chi cổ tức năm 2020: 15%

B- KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021

I-NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VÀ MỤC TIÊU CHUNG

1. Một số dự báo:

Năm 2021, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt dịch Covid-19 vẫn còn nhiều đợt bùng phát ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh tế của cả nước, bên cạnh đó cuộc chiến thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc tiếp tục ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới làm cho giá dầu biến động với biên độ rất cao, khó đánh giá. Bên cạnh đó thời gian quy định giữa hai lần điều chỉnh giá liên tiếp tối thiểu là 15 ngày, với biên độ cao, dẫn tới giá bán lẻ trong nước khó bắt kịp những diễn biến của giá xăng dầu thế giới.

Kinh doanh mặt hàng dầu nhớt Petimex cũng chưa phát triển mạnh, chịu sự chia sẻ thị phần bởi các hãng sản xuất trong nước có giá thành cạnh tranh, nhất là các sản phẩm đã có thương hiệu trên thị trường. Riêng mặt hàng dầu nhớt Petimex phải nhập khẩu giá thành không cạnh tranh.

2. Mục tiêu:

- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu là chủ lực, giữ vững thị phần xăng dầu khu vực phía Nam, đẩy mạnh phát triển thị trường miền Đông Nam Bộ, cùng cố phát triển thị trường tái xuất sang Campuchia.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất hiện hữu, tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như: Kho Long Bình Tân, kho dầu mới Hậu Giang, nâng thêm sức chứa kho Phước Khánh, đưa vào sử dụng hệ thống kho để phát huy thế mạnh.

- Đa dạng hoá sản phẩm trong kinh doanh (dầu FO, nhớt, nhựa đường...) tăng doanh thu, giảm chi phí, ...

- Phối hợp xây dựng nhà máy dầu nhớt, đẩy mạnh dịch vụ Kho ngoại quan trực thuộc Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh.

- Phần đầu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2021 từ 9%/năm trở lên.

II-KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021:

1. Kế hoạch thị trường, sản lượng:

1.1. Sản lượng xăng dầu, dầu nhờn:

STT	CHỈ TIÊU	DVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
I	Sản lượng xăng, dầu tiêu thụ	m ³	988.500	976.921	950.000
	Bán trong nước:	m ³	688.500	633.487	620.000
	Bán tái xuất:	m ³	300.000	343.434	330.000
II	Sản lượng dầu nhờn	lít	160.000	106.471	120.000

Tình hình đầu năm 2021 vẫn còn bùng phát dịch cúm Covid-19 nhiều nơi trên thế giới dẫn đến tình hình sản lượng tiêu thụ đầu năm vẫn thấp, giá cả xăng dầu chưa ổn định. Do đó, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 được điều chỉnh giảm xuống cho phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế hiện nay.

1.2. Giải pháp:

1.2.1. Giải pháp đầu vào hàng hóa

- Ngoài việc tăng cường công tác dự báo và ứng phó với biến động của giá dầu thế giới Công ty còn phải cân đối hài hòa, tối ưu việc nhập khẩu và mua hàng các nhà máy lọc dầu trong nước, theo hướng đa dạng hóa nguồn hàng cung cấp, với nhiều phương pháp tính giá nhằm tránh rủi ro về giá, cũng như nguồn vốn của Công ty.

- Đảm bảo nguồn hàng, thường xuyên theo dõi, dự đoán nhu cầu của thị trường để nhập hàng và giữ mức tồn kho phù hợp cho việc cung ứng, không để đứt nguồn hàng và mang lại hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Giải pháp bán hàng

- Tăng cường công tác marketing, nghiên cứu, đánh giá thị trường, đẩy mạnh các giải pháp gia tăng sản lượng bán cũng như tính linh hoạt trong chính sách điều hành sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường, tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng để giữ vững và phát triển khách hàng; tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới bán lẻ.

- Phát triển thị trường miền Đông Nam Bộ, giữ vững thị trường Miền Tây.

- Xây dựng chiến lược phát triển dầu nhờn với giá thành cạnh tranh để đẩy mạnh sản lượng bán ra.

- Phát triển sản phẩm nhựa đường, Fo.

- Tăng cường các dịch vụ thuê kho.

2. Kế hoạch đầu tư

DVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng mức đầu tư 2020-2030	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
A	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.454.299	138.000	68.194	120.816
I	Đầu tư xây dựng mới:	1.023.299	79.000	29.244	70.816
1	Kho Long Bình Tân	87.299	32.000	15.592	11.616
2	Kho Dầu mới Hậu Giang (GD1)	655.000	25.000	11.067	41.700
3	Phát triển CHXD	200.000	10.000	818,6	10.000

STT	CHỈ TIÊU	Tổng mức đầu tư 2020-2030	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
4	Phòng thí nghiệm XD	12.000	12.000	1.505	7.500
5	Văn phòng mới Công ty	69.000		Tạm ngưng	Lập dự án
6	Văn phòng CN TP.HCM			Tạm ngưng	Thiết kế
7	Khu dân cư Mỹ Phú			262	Thực hiện theo QH
II	Đầu tư xd nâng cấp, sửa chữa:	431.000	59.000	38.950	50.000
1	Các kho xăng dầu Phước Khánh, Trần Quốc Toán,...	314.000	34.000	34.289	28.000
2	Các CHXD	60.000	5.000	2.364	4.000
3	Khách sạn Hòa Bình	35.000	15.000	1.326	17.000
4	Một số công trình khác	22.000	5.000	971	1.000
B	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	93.000	13.230		13.230
1	Cty CP TM Dầu Khí Cửu Long		13.230	Chưa	13.230
2	Định hướng đầu tư thêm vốn vào một số Công ty thành viên hiện hữu				
	TỔNG CỘNG	1.547.299	151.230	68.194	134.046

2.1. Đầu tư xây dựng mới: dự chi 70,8 tỷ đồng

2.1.1. Kho Long Bình Tân: Đưa vào sử dụng trong Quý II/2021 và thanh toán phần còn lại công trình, dự chi là 11,6 tỷ đồng.

2.1.2. Kho Hậu Giang:

-Xây dựng hoàn thành cảng biển 15.000DWT;

- Hoàn tất thủ tục xây dựng kho giai đoạn một 39.000 m³ kho.

Tổng mức dự chi trong khoảng 41,7 tỷ đồng.

2.1.3. Cửa hàng xăng dầu: Tiếp tục mỗi năm đầu tư ít nhất 1 cửa hàng xăng dầu mới, ưu tiên vị trí thuận lợi kinh doanh thêm các dịch vụ tiện ích kèm theo bán lẻ xăng dầu. Dự toán trong năm khoảng 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng.

2.1.4. Phòng thí nghiệm xăng dầu: Đưa vào sử dụng trong Quý II/2021 và thanh toán phần còn lại công trình dự chi là 7,5 tỷ đồng.

2.1.5. Văn Phòng Công ty: Thực hiện bước lập dự án xây dựng lại tại khu đất văn phòng cũ tại số 140, Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh.

2.1.6. Dự án xây dựng văn phòng Chi nhánh Tp HCM

Hiện Công ty có thửa đất diện tích 242 m², tại Lâm Văn Bền, Khu phố 4, Phường Tân Kiểng, Q7, Tp HCM đang là khu nhà ở tập thể CBCNV của Chi nhánh TPHCM, Công ty sẽ đầu tư thành Văn phòng Chi nhánh và nhà tập thể nhân viên, thay vì phải thuê VP tại khu Phú Mỹ Hưng. Chi phí đầu tư khoảng 5-6 tỷ đồng.

2.1.7. Khu dân cư Mỹ Phú: thực hiện theo Quy hoạch được duyệt

2.2. Đầu tư nâng cấp dự án trọng điểm: 50 tỷ đồng

2.2.1. Kho Càng dầu mới Phước Khánh:

- Đầu tư nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thoát nước-chống triều cường, hạ tầng giao thông, hệ thống xuất nhập tự động, hệ thống pha chế xăng 95 truyền thống, dự chi 20 tỷ đồng.

- Kho Trần Quốc Toàn, Kho Trường xuân: tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý xuất nhập, đo lường theo yêu cầu của cơ quan Hải quan, dự chi 8 tỷ đồng.

2.2.2. Sửa chữa các cửa hàng xăng dầu: 4 tỷ đồng

2.2.3. Khách sạn Hòa Bình: Xây dựng hoàn thành mở rộng nhà hàng 600 chỗ thành 1.200 chỗ; từng bước cải tạo nâng cấp khu khách sạn để đạt chuẩn 3 sao. Dự chi trong năm khoảng 17 tỷ đồng.

2.3. Dự án nhà ở:

- Dự án khu dân cư Mỹ Phú: Công ty đã hoàn chỉnh việc lập quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất 4 ha trong đó Công ty có 18.078 m², tiếp tục thủ tục về đất đai để thực hiện dự án khu dân cư thương mại.

- Dự án khu dân cư Phường 6, TP Cao Lãnh: Công ty tiếp tục lập quy hoạch để triển khai thác khu đất 13.830 m² đất đang thuộc quyền sử dụng của Công ty thành khu dân cư.

2.3. Đầu tư tài chính: 13,23 tỷ đồng

a. Petimex tiếp tục góp số tiền chưa góp trong kế hoạch 2020 tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long 13,23 tỷ đồng.

b. Đối với việc định hướng đầu tư thêm vốn vào một số công ty thành viên hiện hữu thông qua hình thức góp tăng vốn điều lệ, trong đó có Công ty cổ phần hóa dầu Phước Khánh. Theo định hướng kinh năm trong 5 năm tới: Công ty này hiện đang có kho ngoại quan 35.000 m³, sau khi đã hoàn chỉnh hệ thống công nghệ kho đảm bảo theo qui định của Hải Quan và đưa vào kinh doanh trong Quý I/2021, Công ty sẽ đầu tư thêm 3 bồn chứa xăng dầu theo quy hoạch đã được thủ tướng phê duyệt nâng tổng sức chứa từ 35.000 m³ lên 80.000 m³; đầu tư nhà máy dầu nhớt công suất 10 triệu lít/năm; đầu tư kho nhựa đường 6.000 m³. Tổng nhu cầu vốn khoảng 310 tỷ bao gồm vốn góp của cổ đông và vốn vay ngân hàng.

3. Kế hoạch nhân sự:

3.1. Về bộ máy tổ chức hiện tại của Công ty

- Số lượng lao động của Công ty đến ngày 31/12/2020 là: 232 người
- Ban lãnh đạo Công ty (Hội đồng quản trị, Người điều hành): 5 người
- Ban Kiểm soát: 01 Trưởng ban; 02 thành viên (kiêm nhiệm).
- 05 Phòng nghiệp vụ; 08 Chi nhánh; 01 trạm trung chuyển xăng dầu và 02 cửa hàng xăng dầu trực thuộc.

3.2. Về cơ cấu nguồn nhân sự các cấp hiện tại của Công ty:

STT	Nhân lực các cấp	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Ghi chú
1	Ban lãnh đạo	5	2,1%	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
2	Cán bộ quản lý	34	14%	Trưởng phó phòng nghiệp vụ, chi nhánh trực thuộc
3	Lao động gián tiếp	93	40,8%	Lao động chuyên môn nghiệp vụ
4	Lao động trực tiếp	100	43,1%	

3.3. Dự kiến diễn biến nhân sự trong năm 2021

Trong năm 2021 theo yêu cầu hoạt động kinh doanh như đã nêu trên, Công ty dự kiến đưa vào hoạt động Phòng thí nghiệm xăng dầu (hoàn thành quý I/2021); Kho Long Bình Tân (hoàn thành quý II/2021, thay thế cho Trạm cấp phát Đồng Nai). Như vậy trên cơ sở cân đối nguồn nhân sự nội bộ hiện có để sắp xếp, luân chuyển và tuyển mới, Công ty dự kiến số lao động kế hoạch năm 2021 như sau:

- Tổng số lao động của Petimex thời điểm ngày 31/12/2021 là: 232 người
- + Lao động giảm dự kiến trong năm 2021: 5 người
- + Lao động tăng dự kiến: 2 người

3.4. Giải pháp nguồn nhân lực

- Rà soát, sắp xếp lại số lao động hiện có với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả, ưu tiên cho việc điều động, luân chuyển nhân sự nội bộ một cách hợp lý trước khi xem xét tuyển dụng mới khi có yêu cầu về nhân sự cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hoàn thiện quy chế làm việc các đơn vị trực thuộc, quy chế bổ nhiệm, quy chế đánh giá nhân lực, chi trả lương thưởng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn nhân lực của Công ty.

- Thực hiện từng bước việc bồi dưỡng và phát triển nhân lực lãnh đạo quản lý tương lai, nhân lực kế cận, ngoài kiến thức nghiệp vụ chuyên môn cần đào tạo kỹ năng mềm về kiến thức lãnh đạo và quản lý, lập kế hoạch và chiến lược để đảm bảo nguồn nhân lực quản lý kế thừa có trình độ cao.

4. Kế hoạch tài chính:

4.1. Dự kiến kết quả kinh doanh và chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020 BCTC riêng Công ty mẹ	Thực hiện năm 2020 BCTC hợp nhất	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	873.240	873.240	873.240	873.240
2	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	10.500.000	7.955.634	10.546.797	8.906.005
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	10.437.000	8.062.105	10.648.926	8.804.887
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	62.500	(106.471)	(102.129)	101.118
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	50.000		(107.649)	80.894
6	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	5,72%			9,26%
7	Lãi cơ bản/l cổ phiếu (EPS)	đồng	572			926
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (Dự kiến)	% năm	4,00%			

4.2. Một số giải pháp thực hiện

4.2.1. Giải pháp tiết giảm chi phí:

- Tăng cường công tác dự báo và ứng phó với biến động của tỷ giá ngoại tệ.

- Tăng cường sử dụng các công cụ tài chính để có chi phí sử dụng vốn tối ưu; Tiếp cận các nguồn vay lãi suất thấp nhằm giảm chi phí tài chính, gia tăng tỷ suất lợi nhuận và hiệu quả trong kinh doanh.

- Tăng cường công tác tiết giảm chi phí trong quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm giải pháp tiết giảm chi phí trung gian; hạn chế thấp nhất chi phí luân chuyển hàng hóa, thuê kho, như bán hàng tại kho đầu mỗi để hạn chế chi phí thuê kho, phí hao

hụt luân chuyển gửi hàng hóa, phí vận chuyển ...

4.2.2. Kế hoạch nguồn vốn:

a. Nguồn vốn lưu động: Tiếp tục sử dụng công cụ tài chính linh hoạt, sử dụng ưu thế tín dụng của nguồn vốn nhập chậm trả, dùng phương pháp tín dụng ngân hàng thanh toán chậm có lãi suất thấp...

b. Nguồn vốn đầu tư: dự kiến 134 tỷ đồng.

- Thực hiện thoái vốn cổ phần theo kế hoạch số 394/TMDK ngày 24/8/2020, dự thu 30 tỷ đồng; Thu cổ tức năm 2020 sau đại hội cổ đông 2021 tại các Công ty thành viên.

- Bán đấu giá một số quyền sử dụng đất và tài sản không có nhu cầu sử dụng theo kế hoạch số 390/TMDK ngày 20/8/2020, dự thu khoảng 25 tỷ đồng:

- Tiếp tục cho thuê, hợp tác khai thác tài sản tăng doanh thu cho công ty:

+ Tiếp tục cho thuê các tài sản đang cho thuê.

+ Ngoài ra, trong khi chờ hoàn thiện thủ tục pháp lý sau cổ phần và phương án sắp xếp lại cơ sở nhà đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh, để tài sản không bị xuống cấp, thu được một số tiền để bù đắp một phần chi phí khấu hao. Công ty đề nghị UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương để công ty cho thuê, hợp tác một số tài sản, như Khu du lịch Ba Láng: 75.450,5 m² đất và tài sản gắn liền với đất.

- Vay dài hạn:

Lập hồ sơ vay dài hạn ngân hàng các dự án Kho Long Bình Tân, kho Hậu Giang... Khi cần thiết với vốn tương đương 100-150 tỷ đồng. Hiện tại công ty còn sử dụng nguồn vốn chậm trả, hoặc ngắn hạn có lãi suất thấp thay thế vốn dài hạn đầu tư.

6. Tiếp tục một số công việc còn tồn tại sau cổ phần hóa

- Tiếp tục thực hiện thủ tục sang tên công ty cổ phần quyền sử dụng đất còn lại ở một số tỉnh.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất có thể giảm giá trị phần vốn nhà nước đối với các khoản:

+ Tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng về việc UBND tỉnh Đồng Tháp đã có quyết định thu hồi đất Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà để điều chỉnh tỷ lệ vốn góp của Petimex tại Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà khoảng 33 tỷ đồng, đồng thời điều chỉnh giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại Petimex.

+ Tiếp tục khiếu kiện đối với khoản tiền Hải quan truy thu 100 tỷ đồng (bao gồm tiền phạt chậm nộp).

7. Công tác quản trị điều hành

Để thực hiện hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ đề ra Công ty sẽ tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau :

- Quan tâm hơn việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho Công ty.

- Tăng cường sự phối hợp giữa lãnh đạo công ty, tổ chức đoàn thể và các đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu tại các đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên trong công tác quản lý, điều hành tại đơn vị. Đồng thời tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, nhằm nâng cao bản lĩnh trong kinh doanh.

- Phân bổ sử dụng nguồn lao động một cách khoa học và có hiệu quả trên cơ sở phân tích công việc, bố trí lao động hợp lý. Đánh giá đãi ngộ nhân sự, nhằm kích thích người lao động nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.

- Phân bổ sử dụng tài chính hiệu quả, đảm bảo nguồn thanh toán cho các dự án của công ty và tạo thanh khoản tốt. Có những phương án điều hành tài chính, quản trị hàng tồn kho, công nợ phù hợp, nhằm giảm thiểu tối đa tác động của việc tăng tỷ giá, chi phí lãi vay và vừa đáp ứng được nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty. Chi đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

- Nhanh chóng áp dụng công nghệ vào quản lý như các kho, chương trình phần mềm quản lý của các phòng nghiệp vụ để giảm chi phí và xử lý nhanh. Từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị.

- Thúc đẩy nhanh tiến độ các dự án để đưa vào khai thác tăng doanh thu giảm chi phí.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp. Người điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp xin kính trình Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2021 xem xét cho ý kiến.

Trân trọng kính chào. *LM*

Nơi nhận:

- DHCD 2021
- UBND tỉnh DT
- STC, SKHĐT
- HDQT;
- BKS;
- BTGD;
- Lưu VT, thư ký HDQT.



Lê Thanh Môn

Số: 021/BC-HDQT.TMDK

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

I. BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Hoạt động của HDQT và của các thành viên HDQT Công ty

1.1. Hoạt động của HDQT:

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. HDQT đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp. Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HDQT đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong năm qua HDQT đã tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 vào ngày 30/06/2020 và tiến hành 52 cuộc họp HDQT (bao gồm các cuộc họp hội ý). Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HDQT đã thông qua và ban hành 24 Nghị quyết làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch HDQT tham gia đầy đủ các buổi họp giao ban của Người điều hành để cùng với Người điều hành chỉ đạo kịp thời nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. HDQT cũng đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

1.2. Hoạt động của các thành viên HDQT:

Trong năm, các thành viên HDQT hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT với tinh thần trách nhiệm cao, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác; tích cực đề ra các giải pháp, mục tiêu để ngày càng hoàn thiện cho việc phát triển Công ty. Trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Người điều hành công ty rất chặt chẽ và hiệu quả trong việc định hướng phát triển cũng như giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

2. Công tác tổ chức, quản lý nhân sự

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng

cổ đông về công tác tổ chức, quản lý nhân sự.

Về nhân sự: Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên, trong đó 04 thành viên đại diện phần vốn của Nhà nước, gồm có Chủ tịch HĐQT, 1 thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc và 3 thành viên HĐQT còn lại được phân công kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Song song với mặt hoạt động kinh doanh, HĐQT luôn quan tâm đến nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn, có tâm huyết với công việc để có biện pháp bồi dưỡng phát triển, đáp ứng cho yêu cầu kinh doanh của đơn vị.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2020:

STT	Họ và Tên	Chức danh	DVT	Chi phí lương	Lễ, tết	Thưởng
1	Trần Quang Sĩ	Chủ tịch HĐQT	đồng	488.910.180	14.000.000	6.500.000
2	Lê Thanh Mân	TV.HĐQT - TGD	đồng	470.802.395	14.000.000	5.500.000
3	Lê Thị Hồng	TV.HĐQT - P.TGD	đồng	416.479.042	14.000.000	5.500.000
4	Nguyễn Văn Dũng	TV.HĐQT - P.TGD	đồng	416.479.042	14.000.000	5.500.000
5	Đình Thiện Hiền	TV.HĐQT - P.TGD	đồng	416.479.042	14.000.000	8.500.000

4. Tổng kết các cuộc họp và các nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	001/NQ-HĐQT-TMDK	06/01/2020	V/v thống nhất chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	100%
2	002/NQ-HĐQT-TMDK	06/01/2020	V/v thống nhất chủ trương cho Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường ống gas đi qua đất của Petimex (kho Trần Quốc Toàn)	100%
3	003/NQ-HĐQT-TMDK	06/01/2020	V/v thống nhất thay đổi (cho thôi và cử mới) nhân sự là Người đại diện phần vốn của Petimex tại Công ty CP Dầu khí Mekong	100%
4	004/NQ-HĐQT-TMDK	09/03/2020	V/v thống nhất thay đổi (cho thôi và cử mới) nhân sự là Người đại diện phần vốn của Petimex tại Công ty CP DV Du lịch Mỹ Trà	100%
5	005/NQ-HĐQT-TMDK	29/04/2020	V/v thống nhất thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý I/2020 và kế hoạch kinh doanh quý II /2020	100%
6	006/NQ-HĐQT-TMDK	29/04/2020	V/v thống nhất phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động và người quản lý chuyên trách Công ty	100%
7	007/NQ-HĐQT-TMDK	04/05/2020	V/v thống nhất chủ trương điều chỉnh đồ án quy hoạch kho cảng đầu mối xăng dầu Hậu Giang (điều chỉnh cao độ và khối lượng san lấp giai đoạn 1)	100%
8	008/NQ-HĐQT-TMDK	15/05/2020	V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
9	009/NQ-HĐQT-TMDK	28/05/2020	V/v thống nhất ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty năm 2020	100%

10	010/NQ-HDQT-TMDK	15/06/2020	V/v thống nhất thông qua báo cáo thường niên và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2020	100%
11	011/NQ-HDQT-TMDK	30/06/2020	V/v Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020	100%
12	012/NQ-HDQT-TMDK	20/07/2020	V/v thống nhất thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý II/2020, kế hoạch kinh doanh quý III/2020	100%
13	013/NQ-HDQT-TMDK	14/08/2020	V/v thống nhất thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020	100%
14	014/NQ-HDQT-TMDK	17/08/2020	V/v thống nhất việc vay vốn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	100%
15	015/NQ-HDQT-TMDK	28/09/2020	V/v thống nhất thay đổi (cho thôi và cử mới) nhân sự là Người đại diện phần vốn của Petimex tại Công ty CP Dầu khí Mekong	100%
16	017/NQ-HDQT-TMDK	20/10/2020	V/v thống nhất thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý III/2020 và kế hoạch kinh doanh quý IV /2020	100%
17	018/NQ-HDQT-TMDK	06/11/2020	V/v thống nhất chủ trương thực hiện việc tạm thời nộp số tiền chậm nộp theo Công văn của Chi cục Hải quan Nhơn Trạch	100%
18	019/NQ-HDQT-TMDK	11/11/2020	V/v thống nhất thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Ngọc Hạnh đối với Cty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp	100%
19	020/NQ-HDQT-TMDK	11/11/2020	V/v thống nhất thành lập đoàn kiểm tra tình hình thực hiện quyền, nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Petimex tại 03 Công ty con	100%
20	021/NQ-HDQT-TMDK	25/11/2020	V/v thống nhất ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2019	100%
21	022/NQ-HDQT-TMDK	01/12/2020	V/v thống nhất cho Trưởng trạm cấp phát xăng dầu Đồng Nai kiểm Giám đốc Kho xăng dầu Long Bình Tân nghị việc theo đơn	100%
22	022/NQ-HDQT-TMDK	21/12/2020	V/v thống nhất xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để bổ sung ngành nghề, mã ngành 5222	100%
23	023/NQ-HDQT-TMDK	28/12/2020	V/v thống nhất chủ trương thực hiện việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng QSDĐ cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A	100%
24	024/NQ-HDQT-TMDK	28/12/2020	V/v thống nhất chủ trương thực hiện việc nhận chuyển nhượng 118 m ² đất tại đường Châu Văn Lòng, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	100%

5. Giao dịch giữa Công ty Petimex, Công ty con, Công ty do Petimex nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn Điều lệ với thành viên HDQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HDQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. (Không có giao dịch nào)

6. Công tác giám sát chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm, HDQT đã ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, đồng thời đề ra các giải pháp ngắn và trung hạn để giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện của Người điều hành, nhìn chung Ban lãnh đạo và các phòng chuyên môn đã đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ và phát triển kinh doanh chung của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục ổn định, nhất là chất lượng hàng hóa, cung cách phục vụ.

uy tín, thương hiệu Petimex ngày càng nâng cao, tạo thêm lòng tin đối với khách hàng. Thực hiện chiến lược đầu tư phát triển của Công ty, HĐQT thống nhất các chủ trương nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất hiện có nhằm đảm bảo yêu cầu phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đôn đốc giám sát chặt chẽ việc đầu tư các công trình trọng điểm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Bổ sung sửa đổi định mức hao hụt xăng dầu, các quy chế, quy định khác dựa trên các Nghị định và quy định của pháp luật.

Kết quả kinh doanh theo báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020: Tổng doanh thu đạt 7.955.634 triệu đồng đạt 75,77% so kế hoạch năm; Lỗ (106.471) triệu đồng và đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền: 1.447 tỷ đồng.

7. Đánh giá của HĐQT về công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực của Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng giám đốc có đầy đủ kinh nghiệm, phẩm chất, trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Trên nền tảng đó Tổng giám đốc đã có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc, phụ trách từng lĩnh vực. Duy trì họp giao ban hằng tháng và hội ý sáng thứ hai hằng tuần để trao đổi những khó khăn vướng mắc, đưa ra biện pháp giải quyết kịp thời. Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, đa dạng hóa dịch vụ cung ứng, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí, góp phần giảm lỗ trong kinh doanh xuống mức thấp nhất.

Hội đồng quản trị Petimex xác định mục tiêu phát triển lĩnh vực hoạt động chủ yếu là kinh doanh xuất nhập khẩu, phân phối xăng dầu và các hoạt động dịch vụ phục vụ cho việc kinh doanh xăng dầu; Từ đó xây dựng kế hoạch và kết quả giám sát như sau:

- Giám sát việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty và những quy định Công ty đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp HĐQT thường kỳ hoặc đột xuất. HĐQT nhận xét Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị đề ra trong năm 2020.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đã được phân công rõ ràng, thành viên phụ trách từng khối và được ủy quyền, kiêm nhiệm luôn chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo kinh doanh.

Đánh giá chung:

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, trước người lao động và sự phát triển của Công ty, có thể mạnh dạn đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế năm 2020 gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của dịch cúm Covid-19 nên việc thực hiện chỉ tiêu về lợi nhuận do Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng thường niên năm 2020 để ra không đạt kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2021, tình hình kinh tế trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn; nhất là dịch cúm Covid-19 vẫn còn nhiều đợt bùng phát gây ảnh hưởng đến nền kinh tế của nước ta, các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó cuộc chiến thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc chưa dừng lại, tiếp tục ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới. Giá dầu thế giới biến động rất cao, khó đánh giá thị trường dầu mỏ. Thời gian quy định giữa hai lần điều chỉnh giá liên tiếp tối thiểu là 15 ngày còn rất dài trong khi giá xăng dầu biến động với biên độ cao, dẫn tới giá bán lẻ trong nước khó bắt kịp những diễn biến của giá xăng dầu thế giới. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định xây dựng phương hướng hoạt động của mình trong năm 2021 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tăng cường công tác dự báo, nắm bắt thông tin thị trường, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đảm bảo sử dụng tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả. Theo dõi tình hình biến động của giá nhập khẩu, tỷ giá, lãi suất tiền vay, chính sách quản lý của Nhà nước để đảm bảo nguồn hàng ổn định nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế tại các thời điểm. Tìm kiếm thêm nhà cung cấp mới; phát triển sản phẩm mới, tuân thủ chất lượng sản phẩm, nâng cao dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương – thưởng nhằm đáp ứng trong việc phát triển Công ty trong thời kỳ đổi mới. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

- Về tài chính tín dụng: Chuẩn bị tốt nguồn tài chính tín dụng là một trong các yếu tố chính nhằm đảm bảo nguồn thanh toán cho các dự án của công ty và tạo thanh khoản tốt. Có những phương án điều hành tài chính, quản trị hàng tồn kho, công nợ phù hợp, nhằm giảm thiểu tối đa tác động của việc tăng tỷ giá, chi phí lãi vay và vừa đáp ứng được nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty. Đảm bảo nguồn ngoại tệ thanh toán cho hàng nhập khẩu, cung cấp nguồn hàng kịp thời cho thị trường để tăng sản lượng; thu hồi công nợ đúng hạn, thanh lý tài sản không cần dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư.

- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: tiếp tục thực hiện 2 dự án trọng điểm đã khởi công năm 2019 và 2020 để đưa vào hoạt động khai thác trong năm 2021 như: Kho trung chuyển xăng dầu Long Bình Tân và một phần Kho cảng xăng dầu Hậu Giang. Hoàn thiện và nâng cấp một số công trình tại kho.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng với nhiệm vụ và quyền hạn của mình, kịp thời khắc phục những điểm chưa làm được để cùng Ban Tổng giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của các cổ đông Công ty. Xây dựng Công ty thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của các cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2021


- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu: Dự kiến kế hoạch năm 2021 doanh thu đạt 8.906.005 triệu đồng.

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 80.894 triệu đồng.
- Kế hoạch lao động bình quân 2021: 221 lao động.
- Tiền lương bình quân đầu người 2021: 10.924.425 đồng/người/tháng.
- Tổng quỹ lương của ban điều hành năm 2020: 3.024 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương CBCNV năm 2020: 24.629 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương của ban điều hành năm 2021: 6.048 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương CBCNV năm 2021: 28.971,6 triệu đồng.
- Tiếp tục thực hiện dự án Kho Long Bình Tân và Kho Hậu Giang.

Bảng kế hoạch kinh doanh và chỉ tiêu tài chính năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020 BCTC riêng Công ty mẹ	Thực hiện năm 2020 BCTC hợp nhất	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tr. đồng	873.240	873.240	873.240	873.240
2	Tổng Doanh thu	Tr. đồng	10.500.000	7.955.634	10.546.797	8.906.005
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	10.437.000	8.062.105	10.648.926	8.804.887
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	62.500	(106.471)	(102.129)	101.118
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	50.000		(107.649)	80.894
6	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	5,72%			9,26%
7	Lãi cơ bản/l cổ phiếu (EPS)	đồng	572			926
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (dự kiến)	% năm	4%			

Trên đây là báo cáo lãnh đạo, điều hành của Hội đồng Quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Chúng tôi rất mong quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực, nhằm giúp cho Hội đồng Quản trị hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận

- ĐHCĐ 2021;
- HĐQT;
- BKS;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Sĩ



Số: /QĐ-HĐQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số điều
của Điều lệ Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Nay, Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, gồm 21 Chương, 57 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VTCty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ	3
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI	3
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP	3
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	7
CHƯƠNG VI: CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	22
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	26
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Công ty	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	27
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	28
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	28
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	29
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC	30
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	30
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	30
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	32
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	32
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	32
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	33
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	33
Điều 46. Năm tài chính	33
Điều 47. Chế độ kế toán	33
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	34
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	34
Điều 49. Báo cáo thường niên	34
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	34
Điều 50. Kiểm toán	34
CHƯƠNG XVII: CON DẤU	35
Điều 51. Con dấu	35
CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	35
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	35
Điều 53. Giá hạn hoạt động	35
Điều 54. Thanh lý	35
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	36
Điều 56. Điều lệ công ty	36
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	36
Điều 57. Ngày hiệu lực	36
PHỤ LỤC 01	38
DANH SÁCH CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ VÀ CHI NHÁNH TRỰC THUỘC	38

ĐIỀU LỆ **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI** **DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức vào ngày 29 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau :

a) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu)

e) "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

f) "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc).

g) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

j) "*Việt Nam*" là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

k) "*Sở giao dịch chứng khoán*" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **DONG THAP PETROLEUM TRADING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Tên Công ty viết tắt: **PETIMEX**

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Logo của công ty:  **PETIMEX**
HỢP HỮU THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Điện thoại: 02773 852856 - 02773 851016 ; Fax: 02773 851937

Email: info@petimex.com.vn - Website: www.petimex.com.vn

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; mua bán các chất bôi trơn; chiết nạp gas; xuất nhập khẩu gas (LPG).	4661
2	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho ngoại quan cho thuê kho bãi; cho thuê cầu cảng.	5210
3	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật sân khấu, hoạt động karaoke; kinh doanh vui chơi giải trí.	9329
4	Bán buôn thực phẩm.	4632
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu phần bón.	4669

6	Trồng cây cà phê.	0126
7	Trồng cây hồ tiêu.	0124
8	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Chi tiết: trồng cây lương thực.	0112
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường bộ.	4933
10	Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, đường thủy.	5224
11	Trồng cây điều.	0123
12	Bán buôn máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, hàng kim khí điện máy.	4659
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ cung ứng tàu biển (nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt), dịch vụ cảng và bến cảng, dịch vụ dọn vệ sinh tàu thuyền, đánh chặn tàu thuyền, dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển (lai dắt tàu theo luồng, cứu hộ trên biển, trên sông).	5229
14	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường thủy.	5022
15	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: dịch vụ massage, xông hơi.	9610
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: mua bán nông sản.	4620
17	Trồng cây cao su.	0125
18	Trồng lúa.	0111
19	Trồng cây ăn quả.	0121
20	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn ăn uống.	5510
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.	4663
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng; kinh doanh nhà (bao gồm xây dựng, mua bán, cho thuê); hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	6810
23	Đại lý du lịch. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch	7911
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu, nhớt, gas	4730
25	Cho thuê xe có động cơ	7710
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

Mục tiêu hoạt động của Công ty: mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Vốn điều lệ của Công ty: 873.239.800.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 87.323.980 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc được Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí có liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các

quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (các khoản tiền có liên quan) và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy

quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải

bảng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết về các vấn đề sau :

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

i) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

j) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

k) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

m) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn

liên với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh

nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.

Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định

2. Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng

minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chi đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 139 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở

Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sử hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có

các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để

bản về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.

Trường hợp Thông báo họp được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít hơn 03 ngày làm việc trước ngày họp nhưng đến ngày họp tất cả thành viên dự họp đồng ý tiến hành cuộc họp thì cuộc họp được xem họp lệ. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm: gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm

làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

1. Công ty có Tổng giám đốc, có từ 2 (hai) đến 3 (ba) Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Số lượng các phòng nghiệp vụ (phục lục kèm theo Điều lệ này) do Hội đồng quản trị quyết định trong đó có bộ phận kế toán quản trị. Mô hình kế toán quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

g) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

h) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về

công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Trách nhiệm cản trở

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, can trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi

ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua)

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi

quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;

- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp nhất trí thông qua ngày ..., tháng 04 năm 2021 tại Đồng Tháp và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành chính (9) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

b) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ VÀ CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

.....

1. Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
2. Phòng Tài chính - Kế toán;
3. Phòng kinh doanh;
4. Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
5. Phòng Kiểm soát nội bộ;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại thành phố Hồ Chí Minh;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Tổng kho xăng dầu Phước Khánh;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Tổng Kho xăng dầu Trần Quốc Toàn;
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Kho xăng dầu Trường Xuân;
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Kho xăng dầu Tân Phú Thạnh;
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp - Khu Du lịch Ba Láng;
12. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại An Giang;



Số: /QĐ-HĐQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Nay, Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị công ty, gồm 7 Chương, 21 Điều (có nội dung Quy chế kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO

Đồng Tháp, ngày ... tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TMDK ngày / /2021 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)*

CHƯƠNG I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Chữ viết tắt:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, có trụ sở tại Số 140, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
2. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông;
3. “HDQT” là Hội đồng quản trị;
4. “BKS” là Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban

kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết.

d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

b) Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- Báo cáo tài chính hằng năm;

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

c) Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHDCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa

cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Cách thức kiểm phiếu:

a) Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Thông qua báo cáo tài chính năm;
- Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

b) Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

c) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

d) Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

12. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

13. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phản đối phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa

chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

d) Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

e) Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của

DHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

a) HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

d) Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 153, 159 Luật Doanh nghiệp

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu,

theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

- Có đơn từ chức;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

- Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ học vấn;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

- Các thông tin khác (nếu có).

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo

luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

6. Cách thức biểu quyết:

Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Theo quy định tại điểm d) Khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành

nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

9. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

11. Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên

quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

g) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

h) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại

hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp

Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên tham gia Ban Kiểm soát.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- b) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Theo quyết định của ĐHĐCĐ

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

7. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

4. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

a) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Thù lao của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.

b) Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

c) Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm mời đại diện BKS tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT.

d) Thư ký Công ty (nếu có) có trách nhiệm ghi biên bản và sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc và Ban kiểm soát xem xét thấy cần thiết phải có cuộc họp HĐQT để xin ý kiến cũng như bàn bạc một số nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty thì Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập

cuộc họp HĐQT. Trong vòng 07 ngày khi nhận được yêu cầu, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT để giải quyết nội dung của Tổng giám đốc và Ban kiểm soát yêu cầu.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a) Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

b) Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

a) Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá 03 ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá 05 ngày.

b) Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian gần nhất.

c) Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình HĐQT và ĐHĐCĐ. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì HĐQT sẽ ra Nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

a) Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ. HĐQT có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho BKS các vấn đề được BKS yêu cầu.

Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phân hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phân hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

b) Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT

Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

c) Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 20. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác. Trường BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên BKS.

2. Hằng năm, căn cứ và kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban điều hành, Tổng Giám đốc trình HĐQT đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Chế độ khen thưởng bằng tiền, cổ phiếu hoặc hình thức khác. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

3. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG VII HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp bao gồm 7 chương 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Nay, Ban Kiểm soát Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm 7 Chương, 22 Điều (có nội dung Quy chế kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Kiểm soát, Ban điều hành, Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị có liên quan của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VTCty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

DỰ THẢO

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-TMDK ngày / /2021 của
Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty").
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát Công ty; Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát thường trú ở Việt Nam.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội

đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác được theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây

gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này,

người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác

của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại dầu khí Đồng Tháp bao gồm 07(bảy) chương, 22 (hai mươi hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: /QĐ-HDQT-TMDK

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021



DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Nay, Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, gồm 7 Chương, 23 Điều (có nội dung Quy chế kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HDQT Cty;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Dự thảo

Đồng Tháp, ngày ... tháng năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-TMDK ngày / /2021 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo định của Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất

tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty

khác);

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh

nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định **chậm nhất là 30 ngày trước** ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty **chậm nhất là 10 ngày trước** ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự

các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp bao gồm 07 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dự thảo

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

I. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (PETIMEX)
- Tên tiếng Anh: Dong Thap Petroleum Trading Import Export Joint Stock Company
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1400147351.
- Vốn điều lệ: 873.239.800.000 đồng (tám trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu: PDT
- Sàn niêm yết: UPCOM

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Thời gian: 8h00, ngày 29 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm: Hội trường A2, Khu Du lịch Mỹ Trà- số 272, Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành phần tham dự:
 - + Khách mời:

-
- + Quý cổ đông và đại diện ủy quyền của các cổ đông.
 - + Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

III. THỦ TỤC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả kiểm tra số lượng cổ đông tham dự:

Ông Nguyễn Việt Khái thay mặt ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự Đại hội như sau:

Tổng số vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (ngày chốt danh sách 01/04/2021): 873.239.800.000 đồng, tương đương 87.323.980 cổ phần.

Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết là: 268 cổ đông, đại diện cho số cổ phần có quyền biểu quyết là: 87.323.980 cổ phần.

Tổng số cổ đông tham dự là Đại hội là:cổ đông,tương ứng cổ phần.

Tổng số cổ đông ủy quyền:..... cổ đông, tương ứng cổ phần.

Vậy tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội là cổ đông, tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết là: cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ khoản 1, Điều 19 Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, số cổ phần của các cổ đông dự họp đại diện tại phiên họp đã chiếm hơn 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành và biểu quyết hợp lệ.

2. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Ông Lê Thanh Mân thay mặt Ban tổ chức giới thiệu và thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số CP/Quyền	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Tổ Kiểm phiếu kiểm như sau:

- Đoàn chủ tịch:

- 1/. Ông Trần Quang Sĩ : Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- 2/. Ông Lê Thanh Mân: TV HĐQT-Tổng giám đốc
- 3/. Ông Nguyễn Văn Dũng: TV HĐQT- Phó Tổng giám đốc
- 4/. Ông Nguyễn Minh Lộc: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch:

Ý kiến biểu quyết	Số CP/Quyền	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

- Ban thư ký:

- 1/. Ông Nguyễn Tuấn Cường – Phòng TCHCQT
- 2/. Ông Mai Ngọc Mẫn – Tô Pháp chế.

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Ban Thư ký:

Ý kiến biểu quyết	Số CP/Quyền	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

- Tổ kiểm phiếu:

1. Ông Phạm Văn Bền- Phó phòng kế toán -Tổ trưởng.
2. Ông Lê Minh Tâm-Phòng Kinh doanh.
3. Ông Đặng Trương Thanh Hiền- Phòng kinh doanh.
4. Bà Nguyễn Thị Bông - Phòng KHĐT.
5. Ông Lê Chí Thông – Phòng Tổ chức HCQT
6. Bà Trịnh Thị Hương – Phòng Tổ chức HCQT

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Tổ Kiểm phiếu:

Ý kiến biểu quyết	Số CP/Quyền	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

IV. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Ông Trần Quang Sĩ thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông 2021 như sau:

- 1/. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành Công ty 2020, kế hoạch 2021.
- 2/. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- 3/. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
- 4/. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.
- 5/. Thông qua các Tờ trình về một số nội dung tại Đại hội:

- Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021;
- Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021;
- Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6/. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến

7/. Nghi giải lao.

8/ Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của cổ đông

9/. Thông qua hình thức biểu quyết và cổ đông biểu quyết các vấn đề tại Đại Hội.

10/. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

11/. Phát biểu bế mạc phiên họp.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số CP/Quyền	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020, kế hoạch năm 2021.

Căn cứ tài liệu họp đã gửi cho Cổ đông, Ông Trần Quang Sĩ – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021. (Báo cáo kèm theo)

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Căn cứ vào tài liệu đã gửi cho cổ đông, Ông Lê Thanh Mân- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021 (Báo cáo kèm theo), với các nội dung chính sau:

a/Kết quả kinh doanh 2020.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất tổng doanh thu 10.546.797 triệu đồng, tổng chi phí kinh doanh là 10.648.962 triệu đồng, lỗ 102.129 triệu đồng. Trong đó tổng doanh thu Công ty mẹ là 7.955.634 triệu đồng đạt 75,77 % so doanh thu kế hoạch, Công ty mẹ lỗ 106.471 triệu đồng. Số tiền thuế nộp Ngân sách nhà nước năm 2020 là 1.447 tỷ đồng.

Nhìn chung, trong năm 2020, nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh còn thiếu, vốn hình thành từ cổ phần hóa chủ yếu là tài sản cố định, tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của đơn vị làm cho kết quả không đạt chỉ tiêu đã đề ra.

b/Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021.

Dự kiến tổng doanh thu là 8.906.005 triệu đồng, tổng chi phí kinh doanh là 8.804.887 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế là 80.894 triệu đồng.

4. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Căn cứ vào tài liệu đã gửi cho cổ đông, Ông Nguyễn Minh Lộc- Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp đã trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.(Báo cáo kèm theo)

5. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

Ông Nguyễn Xuân Tuyên - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp đã thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán. (Báo cáo kèm theo)

6. Thông qua các Tờ trình về một số nội dung tại Đại hội:

Căn cứ tài liệu đã gửi cho cổ đông, Ông Nguyễn Văn Dũng phó Tổng giám đốc Công ty thông qua Đại hội các Tờ trình: (có các tờ trình kèm theo)

- Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021;
- Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021;
- Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7. Phần ý kiến của Cổ đông tại cuộc họp

Sau khi được thông qua các Báo cáo và Tờ trình, cổ đông đã đóng góp một số ý kiến:

.....

...
Ý kiến giải đáp của Đoàn chủ tịch Công ty Cổ phần Thương mại dầu Khí Đồng Tháp:

.....

8. Phần biểu quyết của đại hội

Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu tại ĐHĐCD 2021, kết quả ghi nhận như sau:

- Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

Chỉ tiêu	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu phát ra		
Tổng số phiếu thu về		
Tổng số phiếu hợp lệ		

- Kết quả biểu quyết:

Stt	Nội dung	Ý kiến biểu quyết					
		Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
		Số CP/quyền	Tỷ lệ	Số CP/quyền	Tỷ lệ	Số CP/quyền	Tỷ lệ
1	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành Công ty 2019, kế hoạch năm 2020.						
2	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, kế hoạch kinh doanh năm 2020						
3	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt						

Stt	Nội dung	Ý kiến biểu quyết					
		Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
		Số CP/quyền	Tỷ lệ	Số CP/quyền	Tỷ lệ	Số CP/quyền	Tỷ lệ
	động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.						
4	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.						
5	Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021						
6	Thông qua Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021						
7	Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty						
8	Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát						
9	Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị						
10	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty						

9. Biểu quyết thông qua biên bản và nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ 2021:

- Ông Nguyễn Tuấn Cường: đại diện Ban Thư ký trình bày thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại cuộc họp.

- Ông Lê Thanh Mân: đại diện Đoàn Chủ tịch trình bày Nghị quyết ĐHĐCĐ tại Đại hội. Kết quả biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số CP /quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý		
Không đồng ý		
Không có ý kiến		

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, ĐHĐCĐ nhất trí giao cho Hội đồng quản trị trích lục Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành các biên bản, Nghị quyết riêng lẻ để sử dụng trình các cơ quan chức năng của Nhà nước và các đối tác kinh tế cho phù hợp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc lúc 11h 30 cùng ngày.

TM. THƯ KÝ ĐOÀN

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/11/2018;
 - Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp ngày 29/04/2021;
- Nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 3. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Điều 4. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thống nhất thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021

DVT: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	8.906.005	
2	Tổng chi phí	8.804.887	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	101.118	
4	Chuyển lỗ của năm 2020	(106.471)	
5	Thuế TNDN	0	Bù đắp lỗ 2020
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0	//
7	Phân phối quỹ Đầu tư - Phát triển	0	//
8	Phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi	0	//
9	Quỹ lương CBCNV	28.971,6	

10	Quỹ lương của ban điều hành	6.048	
11	Phân phối quỹ thưởng ban điều hành hoàn thành kế hoạch	0	Bù đắp lỗ 2020
12	Dự kiến số tiền chi cổ tức	0	//

Điều 6. Thông qua Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn 01 (một) trong 04 (bốn) Công ty Kiểm toán Bảo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số/TTr-HĐQT-TMDK ngày/04/2021.

Điều 7. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện hoàn chỉnh và ban hành Điều lệ Công ty theo Tờ trình số/TTr-HĐQT-TMDK ngày/04/2021.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty thực hiện hoàn chỉnh và ban hành Quy chế hoạt động của ban kiểm soát theo Tờ trình số/TTr-HĐQT-TMDK ngày/04/2021.

Điều 9. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện hoàn chỉnh và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số/TTr-HĐQT-TMDK ngày/04/2021.

Điều 10. Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện hoàn chỉnh và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số/TTr-HĐQT-TMDK ngày/04/2021.

Điều 11. Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ 2021 thống nhất thông qua với tỷ lệ..... (tương đương cổ phiếu có quyền biểu quyết tại cuộc họp) và có hiệu lực kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ để chỉ đạo, giám sát việc tổ chức, thực hiện Nghị quyết.

Tất cả các Cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người điều hành doanh nghiệp và toàn thể người lao động của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
 -HDQT, BKS Công ty;
 -UBCK Nhà Nước;
 -Sở GDCK Hà Nội;
 -CBTT;
 -Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
 CHỦ TỌA**